

Số: /KH-BCĐTƯATTP

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

**KẾ HOẠCH
Triển khai công tác hậu kiểm
về an toàn thực phẩm năm 2026**

Trong năm 2025, hoạt động hậu kiểm về an toàn thực phẩm được triển khai từ Trung ương đến địa phương, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm với nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo đúng pháp luật, công khai kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân có thông tin để lựa chọn thực phẩm an toàn. Theo báo cáo của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Công an; trong năm 2025: (1) Bộ Y tế đã kiểm tra 334.764 cơ sở, phát hiện 20.791 cơ sở vi phạm về ATTP chiếm 6,21% so với số cơ sở được kiểm tra; xử lý 6.057 cơ sở (chiếm 29,13% số cơ sở vi phạm), trong đó phạt tiền 4.995 cơ sở với số tiền phạt: 33,83 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động 40 cơ sở; số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm: 315 cơ sở với 635 loại thực phẩm do không đảm bảo chất lượng ATTP (thực phẩm chứa chất cấm, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng...); (2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thanh tra, kiểm tra 9.857 cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và NLTS, phát hiện 446 cơ sở vi phạm, xử phạt hành chính 402 cơ sở (4,1%), giảm so với cùng kỳ năm 2024 (8,5%) với số tiền phạt 6,219 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2024 (15,605 tỷ đồng); (3) Bộ Công Thương (lực lượng quản lý thị trường) trong 11 tháng đầu năm 2025, lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra khoảng 6.750 vụ việc, xử lý khoảng 5.330 vụ việc vi phạm; xử phạt xấp xỉ 36,0 tỷ đồng, trị giá hàng hoá tịch thu xấp xỉ 59,0 tỷ đồng và (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) đã rà soát, ngăn chặn và yêu cầu các nền tảng TMĐT gỡ bỏ 10.425 gian hàng và 1.868 sản phẩm liên quan đến thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm chức năng giả, sữa kém chất lượng; (4) Bộ Công an đã phát hiện tổng số 7.411 vụ = 7.616 đối tượng vi phạm (giảm 17,3 % số vụ so với cùng kỳ năm 2024); xử phạt vi phạm hành chính 6.763 vụ (giảm 19,2% so với cùng kỳ năm 2024), tổng số tiền phạt là 43,999 tỷ đồng; kết quả xử lý hình sự: đã phát hiện, khởi tố tổng số 141 vụ/ 412 bị can về các tội danh liên quan an toàn thực phẩm (tăng 127% số vụ, tăng 324% số bị can so với cùng kỳ năm 2024), trong đó: tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, khởi tố 93 vụ, khởi tố 335 bị can; Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, khởi tố 48 vụ/77 bị can.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý an toàn thực phẩm; bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm ban hành kế hoạch hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở các cấp, thông qua hoạt động hậu kiểm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm, hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; triển khai hoạt động hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm, tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ..

1.2. Đánh giá việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển thực phẩm; cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, nhập khẩu sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi và thực phẩm bổ sung; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, đặc biệt là bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn và an toàn thực phẩm tại các lễ hội, sự kiện lớn, kinh doanh thức ăn đường phố; kiểm soát hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm và kiểm soát quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, cồn và đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả và sản phẩm rau củ quả, thủy sản, sản phẩm thủy sản, phụ gia thực phẩm v.v... và các sản phẩm thực phẩm theo sự phân công trách nhiệm quản lý của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương. Trên cơ sở đó, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm đúng theo quy định của pháp luật.

1.3. Đánh giá tình hình về an toàn thực phẩm đối với các nhóm thực phẩm lưu thông trên thị trường nhằm định hướng giải pháp quản lý.

1.4. Thông qua việc hậu kiểm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm, đánh giá việc cấp các loại giấy về an toàn thực phẩm: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Bản công bố hợp quy, Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng, Bản tự công bố sản phẩm v.v.

1.5. Qua công tác hậu kiểm tiếp tục tuyên truyền chính sách pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm (các văn bản tại phụ lục kèm theo).

1.6. Công tác hậu kiểm phải ngăn chặn được cơ bản tình trạng sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm an toàn; quảng cáo thực phẩm vi phạm; phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

2. Yêu cầu

2.1. Công tác hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm, tập trung hậu kiểm nhóm sản phẩm/sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố hợp quy, sản phẩm nhập khẩu thuộc diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra giảm và kiểm soát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đặc biệt là các bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố tại lễ hội và cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe, các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Các hoạt động hậu kiểm phải được thực hiện thường xuyên, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

2.2. Hậu kiểm hồ sơ tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm/ Bản công bố hợp quy/ Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng, đánh giá nội dung ghi nhãn và kiểm nghiệm chỉ tiêu an toàn và chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Hoạt động hậu kiểm này được thực hiện thường xuyên tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

2.3. Tăng cường công tác hậu kiểm về quảng cáo thực phẩm đặc biệt quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi trên các báo, đài; trên Internet và môi trường mạng; lấy mẫu kiểm nghiệm về chất lượng, an toàn (tập trung lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm thực phẩm có nguy cơ pha trộn chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe thuộc các nhóm sản phẩm hỗ trợ: cải thiện tình trạng huyết áp, hỗ trợ cải thiện chỉ số đường huyết, cải thiện tình trạng đau xương khớp, cải thiện tình trạng mỡ máu, cải thiện tình trạng sinh lý nam, giảm nguy cơ béo phì v.v).

2.4. Tránh chồng chéo trong hoạt động hậu kiểm: Việc triển khai hậu kiểm của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương theo trách nhiệm quản lý đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm tại phụ lục II, III, IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (sau ngày 15/4/2026 việc triển khai theo theo trách nhiệm quản lý đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm tại phụ lục II, III, IV Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết

thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm được quy định bởi Nghị Quyết số 09/2026/NQ-CP ngày 04/02/2026 của Chính phủ về tạm ngưng hiệu lực và điều chỉnh thời hạn áp dụng Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm và Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026 của Chính phủ về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hậu kiểm theo trách nhiệm quy định tại Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026), tập trung sản phẩm/nhóm sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phân cấp cho địa phương. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm phải bảo đảm nguyên tắc phân công tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026). Đối với cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý chuyên ngành nào thực hiện thủ tục hành chính/tiếp nhận bản tự công bố thì cơ quan đó chịu trách nhiệm hậu kiểm.

2.5. Hoạt động hậu kiểm phải bảo đảm phù hợp tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tiến hành hậu kiểm không gây cản trở đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra. Kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

II. NỘI DUNG

1. Hậu kiểm bảo đảm chất lượng thực phẩm

- Tập trung kiểm soát chất lượng thực phẩm các khâu: Nguồn gốc nguyên liệu, vận chuyển, bảo quản; quá trình sản xuất, chế biến; nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, hương liệu, phẩm màu trong chế biến thực phẩm; chất cấm trong chăn nuôi; sử dụng kháng sinh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi, hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ; tiếp tục kiểm soát việc sử dụng salbutamol trong chăn nuôi; kiểm soát thực phẩm là hàng giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng, nhập lậu; kiểm soát hoạt động kinh doanh đa cấp, thương mại điện tử đối với thực phẩm.

- Tăng cường lấy mẫu và kiểm nghiệm sản phẩm thực phẩm đặc biệt các nhóm thực phẩm có nguy cơ gây ngộ độc cao.

2. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm:

- Hậu kiểm về công bố sản phẩm/công bố hợp quy/ công bố tiêu chuẩn áp dụng/tự công bố sản phẩm: Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản

phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 và Nghị Quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026).

- Hậu kiểm về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm: hậu kiểm cơ sở thuộc diện cấp và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trong đó chú trọng hậu kiểm đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026).

- Hậu kiểm đối với thực phẩm nhập khẩu: hậu kiểm, lấy mẫu kiểm nghiệm theo thứ tự ưu tiên sau: Các sản phẩm thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra giảm, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra thông thường (đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, III, IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ) (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra giảm, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra thông thường (đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, III, IV Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ và Nghị Quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026).

- Hậu kiểm về ghi nhãn thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026); Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Hậu kiểm về quảng cáo: hậu kiểm về quảng cáo đối với các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi thực hiện quảng cáo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 và Nghị Quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026).

- Hậu kiểm về sản xuất, kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm thực hiện theo quy định tại Chương X Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 và Nghị Quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026).

- Hậu kiểm về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thực hiện theo định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều 43 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026); Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố: Hậu kiểm việc chấp hành các quy định chung về bảo đảm an toàn thực phẩm, các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, các cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, khu du lịch, lễ hội, sự kiện lớn và thức ăn đường phố.

- Kiểm tra sản phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sẽ áp dụng sau ngày 15/4/2026.

3. Đối với cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm:

- Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương tập trung các nội dung: Việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ; cấp, thu hồi bản công bố sản phẩm và sản phẩm thuộc đối tượng tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, giấy xác nhận nội dung quảng cáo, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; công tác hậu kiểm và xử lý vi phạm.

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của các Bộ ngành được quy định tại Điều 62, 63, 64 Luật An toàn thực phẩm và Điều 37, 38, 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 45, 46, 47, 48, 49, 50 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026).

- Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp được quy định tại Điều 65 Luật An toàn thực phẩm và Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026). Chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

- Các đoàn hậu kiểm khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả mạnh mẽ, quyết liệt như: đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an toàn thực phẩm; tịch thu tang vật, tạm dừng lưu thông, thu hồi, tiêu hủy sản

phẩm vi phạm về an toàn thực phẩm; áp dụng thu hồi các loại giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền.

- Thông qua công tác hậu kiểm, phát hiện, ngăn chặn kịp thời vi phạm về an toàn thực phẩm, không để thực phẩm không bảo đảm an toàn, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu lưu thông trên thị trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tại Trung ương

1.1. Kiểm tra liên ngành

- Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm triển khai 02 đợt kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm:

+ Kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân năm 2026.

+ Kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2026.

- Kiểm tra liên ngành trong các đợt nêu trên, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm sẽ ban hành Kế hoạch để chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương tổ chức các đoàn kiểm tra với thành phần đủ mạnh, gồm:

+ Các Bộ, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm và các Bộ, ngành chức năng có liên quan;

+ Các cơ sở kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của Bộ Y tế và các Bộ quản lý chuyên ngành, trường hợp cần thiết sẽ trung tập các labo khác có khả năng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Trong dịp tết Trung thu, Bộ Công Thương chủ động chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác hậu kiểm và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

1.2. Kiểm tra chuyên ngành

1.2.1 Hậu kiểm của ngành Y tế

Bộ Y tế giao Cục An toàn thực phẩm phối hợp với các Viện (Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia, Viện Dinh dưỡng, Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên) và các đơn vị có liên quan triển khai hậu kiểm về công bố, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, chú trọng nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; kiểm soát các nhóm sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe có nguy cơ pha trộn chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe (nhóm sản phẩm hỗ trợ: cải thiện tình trạng huyết áp, hỗ trợ cải thiện chỉ số đường huyết, cải thiện tình trạng đau xương khớp, cải thiện tình trạng mỡ máu, cải thiện tình trạng sinh lý nam, giảm nguy cơ béo phì v.v). Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hậu kiểm về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của

Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại phụ lục II Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 (trọng tâm là các nhóm sản phẩm nêu tại tiểu mục 2.3 mục 2 phần I Kế hoạch này) và nhóm cơ sở quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều 44 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026), cụ thể như sau:

(1) Quý I năm 2026:

Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân 2026.

(2) Quý II năm 2026:

- Kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm 2026.
- Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.
- Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại một số Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh.

(3) Quý III năm 2026:

- Kiểm tra về hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến/hồ sơ giấy.
- Kiểm tra về hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến/hồ sơ giấy.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phụ gia thực phẩm tại Hà Nội.

(4) Quý IV năm 2026:

- Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên địa bàn các tỉnh Vĩnh Long, Tây Ninh.
- Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Vĩnh Long.
- Kiểm tra cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu được Bộ Y tế chỉ định/giao nhiệm vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kiểm tra cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài việc hậu kiểm theo kế hoạch, Bộ Y tế sẽ tăng cường kiểm tra đột xuất đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý ngành. Tập trung kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên môi trường mạng đối với các cơ sở có dấu hiệu vi phạm quy định về quảng cáo thực phẩm.

1.2.2. Hậu kiểm của ngành Nông nghiệp và Môi trường

- Kiểm tra việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP theo quy định tại Điều 68, 69, 70 Luật An toàn thực phẩm (theo Thông tư số 80/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thẩm định, chứng

nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu);

- Kiểm tra sản phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm;

- Kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn;

- Kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật theo phân công, phân cấp đối với cơ quan địa phương.

1.2.3 Hậu kiểm của ngành Công Thương

(1) Mục tiêu

Kiểm tra công tác quản lý, chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm tại một số địa phương trọng điểm về sản xuất và tiêu thụ thực phẩm lớn.

(2) Nội dung hậu kiểm:

- Theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành.
- Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin.
- Công tác thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm.
- Kết quả chương trình phối hợp bảo đảm an toàn thực phẩm giữa Chính phủ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

- Việc đôn đốc, kiểm tra chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của cơ quan nhà nước cấp dưới.

- Về kinh phí, nguồn lực cho công tác quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Công tác đầu tư trang thiết bị kỹ thuật và công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, đầu tư trang thiết bị đo kiểm di động hoặc cố định tại các trung tâm thương mại, chợ nông sản lớn, hướng dẫn giúp người dân nhận biết thực phẩm an toàn, thực phẩm không an toàn.

- Công tác chỉ đạo phát triển hệ thống phân phối thực phẩm an toàn; quản lý chợ an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc.

- Công tác quản lý hoạt động kinh doanh đa cấp, thương mại điện tử đối với thực phẩm, chú trọng nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

(3) Tiến trình thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch;
- Tổ chức thực hiện kiểm tra, hậu kiểm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành theo nội dung nêu Kế hoạch của Ban chỉ đạo

liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm (có thể lấy mẫu kiểm nghiệm nếu cần thiết).

(4) Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa các đơn vị chức năng của Bộ Công Thương (Cục Công nghiệp, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Viện Công nghiệp thực phẩm) với các đơn vị chức năng thuộc các Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an và các ban, ngành liên quan trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị chức năng của Bộ Công Thương (Cục Công nghiệp, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Viện Công nghiệp thực phẩm) và Sở Công Thương các địa phương trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm trong ngành Công Thương tại các địa phương.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền kết hợp công tác kiểm tra tại địa phương.

- Tập trung nguồn lực về tài chính, nhân lực, các cấp trong ngành Công Thương để nâng cao năng lực quản lý, thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong ngành Công thương.

(5) Thời gian, địa điểm dự kiến thực hiện

- Cục Công nghiệp chủ trì phối hợp với Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thực hiện công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm tại Sở Công Thương các tỉnh, thành phố: Bắc Ninh, Khánh Hòa, Huế.

- Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước chủ trì phối hợp với Cục Công nghiệp kiểm tra thực hiện công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm tại Sở Công Thương các tỉnh, thành phố: Quảng Ngãi, Gia Lai, Đồng Nai.

Thời gian: Quý II, III, IV năm 2026.

2. Tại địa phương:

2.1. Kiểm tra liên ngành:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố căn cứ kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch của Ban Chỉ đạo (đối với địa phương đã thành lập Sở An toàn thực phẩm tham mưu xây dựng kế hoạch) và triển khai thực hiện kế hoạch hậu kiểm thường xuyên liên tục về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, III, IV và theo đúng nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; hậu kiểm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; đồng

thời phối hợp chặt chẽ với các đoàn hậu kiểm của Trung ương khi hậu kiểm trên địa bàn (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại phụ lục II, III, IV và theo đúng nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm quy định tại Điều 44 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026; hậu kiểm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 51 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đoàn hậu kiểm của Trung ương khi hậu kiểm trên địa bàn).

Trong các đợt cao điểm: Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân năm 2026; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2026; tết Trung thu, Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố sẽ ban hành Kế hoạch để chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm với thành phần đủ mạnh nhằm kiểm tra toàn diện.

2.2. Kiểm tra chuyên ngành:

2.2.1. Hậu kiểm của ngành Y tế:

Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh xây dựng kế hoạch hậu kiểm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, tập trung kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể khu công nghiệp, trường học, lễ hội và các sự kiện lớn; hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố hợp quy, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và nhóm cơ sở quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sau ngày 15/4/2026 sẽ thực hiện theo quy định tại phụ lục II Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 và nhóm cơ sở quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều 44 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026); hậu kiểm việc chấp hành quy định về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe (trên các báo, đài; trên Internet và môi trường mạng); cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo sản phẩm thực phẩm bổ sung và sản phẩm dinh dưỡng công thức dùng cho trẻ nhỏ; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thức ăn đường phố trên địa bàn tỉnh.

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia, Viện Dinh dưỡng, Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên phối hợp với Cục An toàn thực phẩm và cơ quan quản lý an toàn thực phẩm các địa phương tiến hành lấy mẫu theo quy định.

2.2.2. Hậu kiểm của ngành Nông nghiệp và Môi trường

- Kiểm tra theo kế hoạch, đợt xuất theo quy định tại Điều 68, 69, 70 Luật An toàn thực phẩm (theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018

của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư này), bao gồm các cơ sở theo quy định tại khoản 6 Điều 54 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm;

- Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT;

- Kiểm tra sản phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm;

- Giám sát ATTP đối với sản phẩm nông lâm thủy sản lưu thông, tiêu thụ trong nước theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT;

- Kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn.

2.2.3. Hậu kiểm của ngành Công Thương

Sở Công Thương chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc và các đơn vị liên quan triển khai hậu kiểm theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, HẬU KIỂM

1. Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, hậu kiểm của ngành; Sở Y tế các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương (địa phương đã thành lập Sở An toàn thực phẩm thì Sở An toàn thực phẩm thực hiện) tham mưu cho Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh/thành phố tổng hợp báo cáo kết quả hậu kiểm về an toàn thực phẩm của toàn tỉnh/thành phố gửi Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm.

2. Các mốc thời gian báo cáo

2.1. Đối với các đợt kiểm tra, hậu kiểm liên ngành (Tết Nguyên đán, Tháng hành động về an toàn thực phẩm) báo cáo theo thời gian quy định trong Kế hoạch chi tiết triển khai hậu kiểm.

2.2. Báo cáo năm 2026: Đề nghị các Bộ ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công tác hậu kiểm:

- Báo cáo 6 tháng/2026: gửi trước ngày 05/7/2026.

- Báo cáo năm 2026 và đề xuất Kế hoạch công tác hậu kiểm năm 2027: gửi trước ngày 05/01/2027.

2.3. Nơi nhận báo cáo: Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm.

V. BẢO ĐẢM KINH PHÍ

Kinh phí phục vụ cho công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm do ngân sách nhà nước ở Trung ương, địa phương bảo đảm theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2026, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm đề nghị các Bộ, ngành và các địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- PTTg Lê Thành Long (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các Thành viên BCĐLNTU về ATTP;
- Tổ Công tác giúp việc BCĐLNTU về ATTP;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế, Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục ATVSTP/ Chi cục ATTP các tỉnh, thành phố;
- Các Viện: DD, KNATVSTPQG, YTCC TP. HCM, Pasteur Nha Trang, VSDT Tây Nguyên;
- Báo SKĐS, Trung tâm TTGDSK Bộ Y tế;
- Website Bộ Y tế, Cục An toàn thực phẩm;
- Lưu: VT, ATTP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Đào Hồng Lan
Bộ trưởng Bộ Y tế**

PHỤ LỤC
CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC
AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-BCĐTƯATTP ngày.....tháng 02 năm 2026)

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12.
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH 15 ngày 14/6/2025.
- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH 15 ngày 18/6/2025.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH 15 ngày 25/6/2025.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp đề tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị Quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026 của Chính phủ quy định về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm.
- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/03/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.
- Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyên giao công nghệ; năng lượng nguyên tử.

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại sản xuất buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quảng cáo; Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo; Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

- Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo kiểm dịch thực vật; Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ

và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

- Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu.

- Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành

- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền.

- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

- Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới.

- Quyết định số 2069/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 Quyết định bãi bỏ quy định về cấp huyện tại Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 của Bộ Y tế quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.

- Thông tư số 10/2021/TT-BYT ngày 30/6/2021 của Bộ Y tế quy định danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Thông tư số 12/2024/TT-BYT ngày 18/7/2024 của Bộ Y tế Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20-1:2024/BYT đối với giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (thay thế Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.